

## Phụ lục

# DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ, UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH

(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

### A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
<b>I. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP</b>							
<b>Mục 1. Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp</b>							
1	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	1/ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử: Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực. 2/ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		1/ 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh.	X	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.

2	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		<p>1/ 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp.</p> <p>2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh.</p>	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
3	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		<p>1/ 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp.</p> <p>2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh.</p>	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>

4	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		<p>1/ 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp.</p> <p>2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh.</p>	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
5	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		<p>1/ 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp.</p> <p>2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh.</p>	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>

6	<p>Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)</p>	<p>Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư</p>		<p>1/ 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, do thay đổi địa giới hành chính.</p>	<p>X</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
7	<p>Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)</p>	<p>Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư</p>		<p>1/ 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.</p>	<p>X</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>

8	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		<p>1/ 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp.</p> <p>2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.</p>	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
9	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		<p>1/ 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp.</p> <p>2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.</p>	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>

10	<p>Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)</p>	<p>Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư</p>		<p>1/ 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.</p>	<p>X</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
11	<p>Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên</p>	<p>Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư</p>		<p>1/ 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.</p>	<p>X</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>

12	<p>Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đối với trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ cho một cá nhân hoặc một tổ chức</p>	<p>Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư</p>		<p>1/ 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.</p>	<p>X</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
13	<p>Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước</p>	<p>Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư</p>		<p>1/ 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.</p>	<p>X</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>

14	<p>Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do thừa kế</p>	<p>Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư</p>		<p>1/ 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.</p>	<p>X</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
15	<p>Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do có nhiều hơn một cá nhân hoặc nhiều hơn một tổ chức được thừa kế phần vốn của chủ sở hữu, công ty đăng ký chuyển đổi sang loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên</p>	<p>Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư</p>		<p>1/ 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.</p>	<p>X</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>

16	<p>Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tặng cho toàn bộ phần vốn góp</p>	<p>Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư</p>		<p>1/ 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.</p>	<p>X</p>	<p>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</p>
17	<p>Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác hoặc công ty huy động thêm vốn góp từ cá nhân hoặc tổ chức khác</p>	<p>Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư</p>		<p>1/ 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.</p>	<p>X</p>	<p>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</p>

18	<p>Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết, mất tích</p>	<p>Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư</p>		<p>1/ 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.</p>	<p>X</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
19	<p>Đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương khác</p>	<p>Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư</p>		<p>50.000 đồng/ lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ.</p>	<p>X</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>

20	Thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
21	Thông báo thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>

22	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
23	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>

24	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
25	Thông báo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp, thông tin người đại diện theo uỷ quyền (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		<p>1/ 0 đồng, nếu không làm thay đổi thông tin Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>2/ 50.000 đồng/lần nếu phát sinh thông tin làm thay đổi nội dung của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p>	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>

26	Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sau khi Phòng Đăng ký kinh doanh/Trung tâm Hỗ trợ nghiệp vụ đăng ký kinh doanh thuộc Cục Quản lý đăng ký kinh doanh nhận được phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp và Giấy đề nghị công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		1/ Phí: 100.000 đồng, nộp tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp, thời điểm đề nghị công bố; 2/ Miễn phí trong trường hợp thay đổi địa giới hành chính dẫn đến thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp; 3/ Miễn phí công bố lần đầu trong trường hợp doanh nghiệp chuyển đổi từ hộ kinh doanh.	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
27	Thông báo sử dụng, thay đổi, huỷ mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Khi nhận Thông báo mẫu con dấu/Thông báo về việc thay đổi mẫu con dấu, số lượng con dấu/Thông báo về việc huỷ mẫu con dấu của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện của doanh nghiệp, Phòng đăng ký kinh doanh trao giấy biên nhận và thực hiện đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Miễn phí khi công bố mẫu con dấu	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>

28	<p>Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)</p>	<p>Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư</p>		<p>1/ 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.</p>	<p>X</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
29	<p>Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)</p>	<p>Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư</p>		<p>Không</p>	<p>X</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>

30	<p>Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)</p>	<p>Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư</p>		<p>1/ 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.</p>	<p>X</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
31	<p>Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thay thế cho nội dung đăng ký hoạt động trong Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động</p>	<p>Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư</p>		<p>1/ 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.</p>	<p>X</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>

32	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		1/ 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
33	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		1/ 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>

34	<p>Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)</p>	<p>Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư</p>		<p>1/ 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.</p>	<p>X</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
35	<p>Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)</p>	<p>Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư</p>		<p>1/ 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.</p>	<p>X</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>

36	<p>Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)</p>	<p>Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư</p>		<p>1/ 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.</p>	<p>X</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
37	<p>Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần)</p>	<p>Không quy định</p>	<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư</p>		<p>Không</p>	<p>X</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>

38	Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</li> </ul>
39	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc chia doanh nghiệp	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		<p>1/ 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp.</p> <p>2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.</p>	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>

40	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc chia doanh nghiệp	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		1/ 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
41	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc chia doanh nghiệp	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		1/ 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>

42	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc tách doanh nghiệp	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		1/ 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
43	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc tách doanh nghiệp	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		1/ 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>

44	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc tách doanh nghiệp	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		<p>1/ 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp.</p> <p>2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.</p>	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
45	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		<p>1/ 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp.</p> <p>2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.</p>	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>

46	Sáp nhập doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		1/ 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
47	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		1/ 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>

48	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ chuyển đổi, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư		1/ 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
49	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ chuyển đổi, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		1/ 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>

50	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cơ quan đăng ký kinh doanh xem xét và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nếu có đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 199 Luật Doanh nghiệp.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		1/ 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
51	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		1/ 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>

52	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy CNĐKDN nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		1/ 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
53	Cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp	Không quy định	Sở Kế hoạch và Đầu tư		1/ 50.000 đồng/lần: đổi với trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; 2/Miễn phí nếu chỉ cập nhật, bổ sung thông tin mà không phát sinh thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. 3/ Miễn lệ phí trong các trường hợp: không làm thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>

					<p>nghiệp quy định tại các điều từ Điều 49 đến Điều 54 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính</p>		
54	<p>Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng</p>	<p>Công ty có quyền bán cổ phần sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày gửi Thông báo mà không nhận được ý kiến phản đối của cơ quan đăng ký kinh doanh.</p>	<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư</p>		<p>Không</p>	<p>X</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
55	<p>Thông báo tạm ngừng kinh doanh</p>	<p>Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư</p>		<p>Miễn lệ phí</p>	<p>X</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>

56	Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Miễn lệ phí	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
57	Giải thể doanh nghiệp	Sau thời hạn 180 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải thể theo khoản 3 Điều 202 Luật Doanh nghiệp mà không nhận được ý kiến về việc giải thể từ doanh nghiệp hoặc phản đối của bên có liên quan bằng văn bản hoặc trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ giải thể, Cơ quan đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Miễn lệ phí	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>

58	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	Sau thời hạn 180 ngày, kể từ ngày thông báo tình trạng giải thể doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Luật Doanh nghiệp mà không nhận phản đối của bên có liên quan bằng văn bản hoặc trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ giải thể, Cơ quan đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Miễn lệ phí	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
59	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Miễn lệ phí	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>

60	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Miễn lệ phí	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
<b>Mục 2. Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu</b>							
61	Tạm ngừng kinh doanh công ty TNHH một thành viên	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Miễn lệ phí	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 172/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>

**Mục 3. Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp xã hội**

62	Thông báo Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Lệ phí: 50.000 đồng/ lần; Phí: 100.000 đồng/ lần.	X	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015; - Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17/5//2016; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.
63	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Phí: 100.000 đồng/ lần.	X	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015; - Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17/5//2016; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.

64	Thông báo chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Phí: 100.000 đồng/ lần.	X	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015; - Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17/5//2016; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.
65	Thông báo tiếp nhận viện trợ, tài trợ	Không quy định	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không	X	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015; - Thông tư 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17/5/2016.
66	Thông báo thay đổi nội dung tiếp nhận viện trợ, tài trợ	Không quy định	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không	X	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015; - Thông tư 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17/5/2016.
67	Công khai hoạt động của doanh nghiệp xã hội	Không quy định	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không	X	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015; - Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17/5//2016.

68	Chuyển cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện thành doanh nghiệp xã hội	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Lệ phí: 50.000 đồng/lần; Phí: 100.000 đồng/lần.	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015;</li> <li>- Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17/5//2016;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
----	---	---	-----------------------	--	--	---	---

## II. LĨNH VỰC HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

### Mục 1. Thành lập và hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo

69	Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	Cơ quan ĐKKD có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của thông báo và các tài liệu kèm theo trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 12/6/2017;</li> <li>- Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018.</li> </ul>
70	Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	Cơ quan ĐKKD có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của thông báo và các tài liệu kèm theo trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 12/6/2017;</li> <li>- Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018.</li> </ul>

71	Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	Cơ quan ĐKKD có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của thông báo và các tài liệu kèm theo trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không	X	- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 12/6/2017; - Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018.
72	Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	Cơ quan ĐKKD có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của thông báo và các tài liệu kèm theo trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không	X	- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 12/6/2017; - Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018.
73	Thông báo về việc chuyên nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư	Chưa quy định	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Chưa quy định	X	- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 12/6/2017; - Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018.
<b>Mục 2. Thủ tục về đề nghị hỗ trợ tư vấn</b>							
74	Đề nghị hỗ trợ sử dụng dịch vụ tư vấn	Không quy định	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không	X	- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 12/6/2017; - Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/03/2018; - Thông tư số 06/2019/TT-BKHĐT ngày 29/3/2019.
75	Hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không	X	- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 12/6/2017; - Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/03/2018.

### III. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ

76	Đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư		150.000 đồng/ lần	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012;</li> <li>- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013;</li> <li>- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014;</li> <li>- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019;</li> <li>- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016;</li> <li>- Thông tư số 96/2017/TT-BTC ngày 27/9/2017;</li> <li>- Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.</li> </ul>
77	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư		150.000 đồng/ lần	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012;</li> <li>- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013;</li> <li>- Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017;</li> <li>- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014;</li> <li>- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019;</li> <li>- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016;</li> <li>- Thông tư số 96/2017/TT-BTC ngày 27/9/2017;</li> <li>- Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.</li> </ul>

78	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư		75.000 đồng/ lần	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012;</li> <li>- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013;</li> <li>- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014;</li> <li>- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019;</li> <li>- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016;</li> <li>- Thông tư số 96/2017/TT-BTC ngày 27/9/2017;</li> <li>- Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.</li> </ul>
79	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư		75.000 đồng/ lần	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012;</li> <li>- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013;</li> <li>- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014;</li> <li>- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019;</li> <li>- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016;</li> <li>- Thông tư số 96/2017/TT-BTC ngày 27/9/2017;</li> <li>- Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.</li> </ul>

80	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư		150.000 đồng/ lần	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012;</li> <li>- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013;</li> <li>- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014;</li> <li>- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019;</li> <li>- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016;</li> <li>- Thông tư số 96/2017/TT-BTC ngày 27/9/2017;</li> <li>- Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.</li> </ul>
81	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư		150.000 đồng/ lần	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012;</li> <li>- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013;</li> <li>- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014;</li> <li>- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019;</li> <li>- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016;</li> <li>- Thông tư số 96/2017/TT-BTC ngày 27/9/2017;</li> <li>- Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.</li> </ul>

82	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư		150.000 đồng/ lần	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012;</li> <li>- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013;</li> <li>- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014;</li> <li>- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019;</li> <li>- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016;</li> <li>- Thông tư số 96/2017/TT-BTC ngày 27/9/2017;</li> <li>- Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.</li> </ul>
83	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư		75.000 đồng/ lần	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012;</li> <li>- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013;</li> <li>- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014;</li> <li>- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019;</li> <li>- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016;</li> <li>- Thông tư số 96/2017/TT-BTC ngày 27/9/2017;</li> <li>- Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.</li> </ul>

84	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư		75.000 đồng/ lần	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012;</li> <li>- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013;</li> <li>- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014;</li> <li>- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019;</li> <li>- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016;</li> <li>- Thông tư số 96/2017/TT-BTC ngày 27/9/2017;</li> <li>- Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.</li> </ul>
85	Giải thể tự nguyện liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012;</li> <li>- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013;</li> <li>- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014;</li> <li>- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019;</li> <li>- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016;</li> <li>- Thông tư số 96/2017/TT-BTC ngày 27/9/2017;</li> <li>- Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.</li> </ul>

86	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư		30.000 đồng/ lần	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012;</li> <li>- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013;</li> <li>- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014;</li> <li>- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019;</li> <li>- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016;</li> <li>- Thông tư số 96/2017/TT-BTC ngày 27/9/2017;</li> <li>- Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.</li> </ul>
87	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư		30.000 đồng/ lần	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012;</li> <li>- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013;</li> <li>- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014;</li> <li>- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019;</li> <li>- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016;</li> <li>- Thông tư số 96/2017/TT-BTC ngày 27/9/2017;</li> <li>- Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.</li> </ul>

88	Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012;</li> <li>- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013;</li> <li>- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014;</li> <li>- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019;</li> <li>- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016;</li> <li>- Thông tư số 96/2017/TT-BTC ngày 27/9/2017;</li> <li>- Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.</li> </ul>
89	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012;</li> <li>- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013;</li> <li>- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014;</li> <li>- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019;</li> <li>- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016;</li> <li>- Thông tư số 96/2017/TT-BTC ngày 27/9/2017;</li> <li>- Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.</li> </ul>

90	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư		75.000 đồng/ lần	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012;</li> <li>- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013;</li> <li>- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014;</li> <li>- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019;</li> <li>- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016;</li> <li>- Thông tư số 96/2017/TT-BTC ngày 27/9/2017;</li> <li>- Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.</li> </ul>
----	--	--	-----------------------	--	------------------	---	--

#### IV. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM

91	Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước.</li> <li>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định. Cơ quan quản lý về đất đai chịu trách nhiệm cung cấp trích lục bản đồ; cơ quan quản lý về quy hoạch cung cấp thông tin quy hoạch để</li> </ul>	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015;</li> <li>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015.</li> </ul>
----	---	---	-----------------------	--	-------	---	---

		<p>làm cơ sở thẩm định trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Sở Kế hoạch và Đầu tư.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định trình UBND tỉnh.</li><li>- Trong 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư.</li><li>- Đối với dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 5.000 tỷ đồng trở lên quy định tại Khoản 2 Điều 31 Luật Đầu tư phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT, UBND tỉnh Quyết định chủ trương đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư.</li></ul>					
--	--	---	--	--	--	--	--

92	Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư và gửi hồ sơ lấy ý kiến của cơ quan nhà nước có liên quan.</li> <li>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</li> <li>- Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, Sở kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh xem xét, có ý kiến thẩm định về hồ sơ dự án đầu tư và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</li> <li>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của UBND tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định hồ sơ dự án đầu tư và lập báo cáo thẩm định.</li> <li>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được</li> </ul>	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015;</li> <li>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015.</li> </ul>
----	--	--	-----------------------	--	-------	---	---

		báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.					
93	Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	Theo Chương trình và kỳ họp của Quốc hội.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không	X	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015.
94	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	1/ Đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh: - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh; - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh thuộc phạm vi quản lý của mình; - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của cơ quan liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không	X	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015.

		<p>báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh dự án đầu tư để trình UBND tỉnh;</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư và gửi cho Sở Kế hoạch và Đầu tư.</li></ul> <p>2/ Đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đồng thời gửi hồ sơ cho cơ quan quản lý nhà nước có liên quan để lấy ý kiến về các nội dung điều chỉnh;</li><li>- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình;</li><li>- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp</li></ul>				
--	--	--	--	--	--	--

		<p>lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh xem xét, có ý kiến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư về những nội dung điều chỉnh;</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của UBND tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư;</p> <p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư. Văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư được gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư.</p>					
95	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không	X	<p>- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</p> <p>- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015;</p> <p>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015.</p>

96	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	<p>1/ Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước.</li> <li>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định.</li> <li>- Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</li> <li>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư. Đối với dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 5.000 tỷ đồng trở lên quy định tại Khoản 2 Điều 31 Luật Đầu tư phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê</li> </ul>	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015;</li> <li>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015.</li> </ul>
----	--	--	-----------------------	--	-------	---	---

		<p>duyet thực hiện ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh Quyết định chủ trương đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư.</p> <p>- Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định chủ trương đầu tư.</p> <p>2/ Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ:</p> <p>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư và gửi hồ sơ lấy ý kiến của cơ quan nhà nước có liên quan.</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về những nội dung thuộc phạm vi quản lý</p>				
--	--	---	--	--	--	--

	<p>nhà nước, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, Sở kế hoạch và Đầu tư trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, có ý kiến thẩm định về hồ sơ dự án đầu tư và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</li><li>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định hồ sơ dự án đầu tư và lập báo cáo thẩm định.</li><li>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.</li><li>- Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định chủ trương đầu tư.</li></ul> <p>3/ Cấp giấy chứng nhận đăng</p>					
--	--	--	--	--	--	--

		ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội: - Theo Chương trình và kỳ họp của Quốc hội.					
97	Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không	X	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015.
98	Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư)	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không	X	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015.
99	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh thuộc phạm vi	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không	X	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015.

		<p>quản lý của mình.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của cơ quan nêu trên, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định về các nội dung điều chỉnh.</li> <li>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư.</li> <li>- Sở Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư của UBND tỉnh.</li> </ul>					
100	<p>Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đồng thời gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh.</li> <li>- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Kế hoạch và</li> </ul>	<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư</p>		<p>Không</p>	<p>X</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015;</li> <li>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015.</li> </ul>

	<p>Đầu tư, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh thuộc phạm vi quản lý của mình.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, có ý kiến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư về những nội dung điều chỉnh.</li><li>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư.</li><li>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư.</li><li>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư.</li></ul>					
--	--	--	--	--	--	--

101	Chuyển nhượng dự án đầu tư	<p>1/ Đối với dự án thuộc một trong các trường hợp: dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc trường hợp quyết định chủ trương đầu tư; dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thuộc trường hợp quyết định chủ trương đầu tư mà nhà đầu tư đã hoàn thành việc góp vốn, huy động vốn và đưa dự án vào khai thác, vận hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư để điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.</li> </ul> <p>2/ Đối với dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lấy ý kiến thẩm định về điều</li> </ul>	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015;</li> <li>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015.</li> </ul>
-----	----------------------------	--	-----------------------	--	-------	---	---

	<p>kiện chuyển nhượng dự án đầu tư.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan được gửi hồ sơ có ý kiến về điều kiện chuyển nhượng thuộc phạm vi quản lý của mình.</li><li>- Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, có ý kiến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nếu có).</li><li>- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định về điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư.</li><li>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư.</li></ul>					
--	--	--	--	--	--	--

	<p>- Đối với dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư.</p> <p>3/ Đối với dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh:</p> <p>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lấy ý kiến thẩm định về điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư.</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan được gửi hồ sơ xin ý kiến có ý kiến về điều kiện chuyển nhượng thuộc phạm vi quản lý của mình;</p>					
--	---	--	--	--	--	--

		<ul style="list-style-type: none"><li>- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo về việc đáp ứng điều kiện chuyển nhượng dự án trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</li><li>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư;</li><li>- Đối với dự án không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư được gửi cho nhà đầu tư.</li><li>- Đối với dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư.</li></ul>				
--	--	--	--	--	--	--

102	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không	X	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015.
103	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không	X	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015.
104	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không	X	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015.
105	Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không	X	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015.

106	Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Ngay khi nhà đầu tư nộp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không	X	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015.
107	Giãn tiến độ đầu tư	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không	X	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015.
108	Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư	Ngay khi tiếp nhận thông báo.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không	X	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015.
109	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư	Ngay khi tiếp nhận hồ sơ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không	X	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015.

110	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không	X	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015.
111	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không	X	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015.
112	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không	X	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015.
113	Cung cấp thông tin về dự án đầu tư	Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không	X	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015.

114	Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư	Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không	X	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015.
115	Góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không	X	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015.
116	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không	X	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.

117	Thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh tại Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		50.000 đồng	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
118	Thành lập tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài	<p>Thời hạn cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: tương ứng với từng loại thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;</p> <p>Thời hạn thành lập doanh nghiệp: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p>	Sở Kế hoạch và Đầu tư		<p>Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Không;</p> <p>Hồ sơ thành lập tổ chức kinh tế: Lệ phí 50.000 đồng.</p>	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015;</li> <li>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>

**V. LĨNH VỰC VỐN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC (ODA) VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI VÀ VIỆN TRỢ PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI**

**Mục 1. Nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài**

119	Tiếp nhận dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN)	Thời hạn thẩm định không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không		- Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009; - Thông tư 07/2010/TT-BKH ngày 30/3/2010.
120	Tiếp nhận dự án đầu tư sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN)	Thời hạn thẩm định không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không		- Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009; - Thông tư 07/2010/TT-BKH ngày 30/3/2010.
121	Tiếp nhận chương trình sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN)	Thời hạn thẩm định không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không		- Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009; - Thông tư 07/2010/TT-BKH ngày 30/3/2010.
122	Tiếp nhận nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN) dưới hình thức phi dự án	Thời hạn thẩm định không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không		- Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009; - Thông tư 07/2010/TT-BKH ngày 30/3/2010.

**Mục 2. Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài**

123	Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản	<p>1. Thời gian thẩm định văn kiện chương trình, dự án tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:</p> <p>a) Đối với chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, chương trình mục tiêu: không quá 90 ngày;</p> <p>b) Đối với dự án đầu tư nhóm A: không quá 40 ngày;</p> <p>c) Đối với dự án đầu tư nhóm B: không quá 30 ngày;</p> <p>d) Đối với dự án đầu tư nhóm C, dự án hỗ trợ kỹ thuật và chương trình, dự án khác: không quá 20 ngày.</p> <p>2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của cơ quan, đơn vị được giao thẩm định, cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án và quyết định đầu tư chương trình, dự án.</p>	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không	<p>- Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016;</p> <p>- Nghị định số 132/2018/NĐ-CP ngày 01/10/2018;</p> <p>- Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT ngày 08/8/2016.</p>
-----	---	---	-----------------------	--	-------	---

124	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại	Thời hạn thẩm định Văn kiện dự án, phi dự án là không quá 20 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không		- Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016; - Nghị định số 132/2018/NĐ-CP ngày 01/10/2018; - Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT ngày 08/8/2016.
125	Lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký kết điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không		- Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016; - Nghị định số 132/2018/NĐ-CP ngày 01/10/2018; - Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT ngày 08/8/2016.
126	Lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hàng năm	Không quy định	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không		- Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016; - Nghị định số 132/2018/NĐ-CP ngày 01/10/2018; - Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT ngày 08/8/2016.
127	Xác nhận chuyên gia	UBND tỉnh xác nhận chuyên gia theo đúng mẫu quy định trong vòng 15 làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không		- Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016; - Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT ngày 08/8/2016.

**VI. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ THEO HÌNH THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ (PPP)**

128	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án do nhà đầu tư đề xuất	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với dự án nhóm A: Tối đa 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;</li> <li>- Đối với dự án nhóm B: Tối đa 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</li> </ul>	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;</li> <li>- Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018;</li> <li>- Thông tư số 09/2018/TT-BKHĐT ngày 28/12/2018.</li> </ul>
129	Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án do nhà đầu tư đề xuất	<p>Thời hạn thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với dự án quan trọng quốc gia: Không quá 90 ngày;</li> <li>- Đối với dự án nhóm A: Không quá 40 ngày;</li> <li>- Đối với dự án nhóm B, nhóm C: Không quá 30 ngày.</li> </ul>	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;</li> <li>- Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018;</li> <li>- Thông tư số 09/2018/TT-BKHĐT ngày 28/12/2018.</li> </ul>
130	Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh dự án do nhà đầu tư đề xuất	<p>Thời hạn thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với dự án quan trọng quốc gia: Không quá 90 ngày;</li> <li>- Đối với dự án nhóm A: Không quá 40 ngày;</li> <li>- Đối với dự án nhóm B, nhóm C: Không quá 30 ngày.</li> </ul>	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;</li> <li>- Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018;</li> <li>- Thông tư số 09/2018/TT-BKHĐT ngày 28/12/2018.</li> </ul>

**VII. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN**

131	Cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ	<ul style="list-style-type: none"><li>- Đối với trường hợp sử dụng ngân sách địa phương: 15 ngày làm việc.</li><li>- Trường hợp sử dụng ngân sách trung ương: thực hiện quy định của pháp luật về đầu tư công.</li></ul>	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không		Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ.
-----	--	--	-----------------------	--	-------	--	--

## B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
<b>I. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘ KINH DOANH</b>							
1	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	UBND cấp huyện		150.000 đồng/ lần	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016;</li> <li>- Thông tư số 96/2017/TT-BTC ngày 27/9/2017;</li> <li>- Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.</li> </ul>

2	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	UBND cấp huyện		75.000 đồng/ lần	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016;</li> <li>- Thông tư số 96/2017/TT-BTC ngày 27/9/2017;</li> <li>- Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.</li> </ul>
3	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	UBND cấp huyện		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</li> </ul>

4	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	Không quy định	UBND cấp huyện		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</li> </ul>
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	UBND cấp huyện		75.000 đồng/ lần	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016;</li> <li>- Thông tư số 96/2017/TT-BTC ngày 27/9/2017;</li> <li>- Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.</li> </ul>
<b>II. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỢP TÁC XÃ</b>							
6	Đăng ký thành lập hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	UBND cấp huyện		150.000 đồng/ lần	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012;</li> <li>- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013;</li> <li>- Thông tư số 03/2014/TT-</li> </ul>

						BKHĐT ngày 26/5/2014; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016; - Thông tư số 96/2017/TT-BTC ngày 27/9/2017; - Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.
7	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	UBND cấp huyện		150.000 đồng/ lần	X - Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016; - Thông tư số 96/2017/TT-BTC ngày 27/9/2017; - Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.

8	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	UBND cấp huyện		75.000 đồng/ lần	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012;</li> <li>- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013;</li> <li>- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014;</li> <li>- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019;</li> <li>- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016;</li> <li>- Thông tư số 96/2017/TT-BTC ngày 27/9/2017;</li> <li>- Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.</li> </ul>
9	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	UBND cấp huyện		75.000 đồng/ lần	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012;</li> <li>- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013;</li> <li>- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014;</li> <li>- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019;</li> <li>- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016;</li> <li>- Thông tư số 96/2017/TT-BTC ngày 27/9/2017;</li> <li>- Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.</li> </ul>

10	Đăng ký khi hợp tác xã chia	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	UBND cấp huyện		150.000 đồng/ lần	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012;</li> <li>- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013;</li> <li>- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014;</li> <li>- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019;</li> <li>- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016;</li> <li>- Thông tư số 96/2017/TT-BTC ngày 27/9/2017;</li> <li>- Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.</li> </ul>
11	Đăng ký khi hợp tác xã tách	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ		X	150.000 đồng/ lần	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012;</li> <li>- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013;</li> <li>- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014;</li> <li>- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019;</li> <li>- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016;</li> <li>- Thông tư số 96/2017/TT-BTC ngày 27/9/2017;</li> <li>- Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.</li> </ul>

12	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	UBND cấp huyện		150.000 đồng/ lần	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012;</li> <li>- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013;</li> <li>- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014;</li> <li>- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019;</li> <li>- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016;</li> <li>- Thông tư số 96/2017/TT-BTC ngày 27/9/2017;</li> <li>- Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.</li> </ul>
13	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	UBND cấp huyện		75.000 đồng/ lần	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012;</li> <li>- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013;</li> <li>- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014;</li> <li>- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019;</li> <li>- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016;</li> <li>- Thông tư số 96/2017/TT-BTC ngày 27/9/2017;</li> <li>- Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.</li> </ul>

14	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	UBND cấp huyện		75.000 đồng/ lần	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012;</li> <li>- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013;</li> <li>- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014;</li> <li>- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019;</li> <li>- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016;</li> <li>- Thông tư số 96/2017/TT-BTC ngày 27/9/2017;</li> <li>- Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.</li> </ul>
15	Giải thể tự nguyện hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	UBND cấp huyện		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012;</li> <li>- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013;</li> <li>- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014;</li> <li>- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019.</li> </ul>

16	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	UBND cấp huyện		30.000 đồng/ lần	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012;</li> <li>- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013;</li> <li>- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014;</li> <li>- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019;</li> <li>- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016;</li> <li>- Thông tư số 96/2017/TT-BTC ngày 27/9/2017;</li> <li>- Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.</li> </ul>
17	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	UBND cấp huyện		30.000 đồng/ lần	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012;</li> <li>- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013;</li> <li>- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014;</li> <li>- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019;</li> <li>- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016;</li> <li>- Thông tư số 96/2017/TT-BTC ngày 27/9/2017;</li> <li>- Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.</li> </ul>

18	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	UBND cấp huyện		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012;</li> <li>- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013;</li> <li>- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014;</li> <li>- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019.</li> </ul>
19	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	UBND cấp huyện		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012;</li> <li>- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013;</li> <li>- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014;</li> <li>- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019.</li> </ul>

20	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	UBND cấp huyện		75.000 đồng/ lần	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012;</li> <li>- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013;</li> <li>- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014;</li> <li>- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019;</li> <li>- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016;</li> <li>- Thông tư số 96/2017/TT-BTC ngày 27/9/2017;</li> <li>- Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.</li> </ul>
21	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	UBND cấp huyện		30.000 đồng/ lần	X	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012;</li> <li>- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013;</li> <li>- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014;</li> <li>- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019;</li> <li>- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016;</li> <li>- Thông tư số 96/2017/TT-BTC ngày 27/9/2017;</li> <li>- Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.</li> </ul>

### C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
<b>I. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ HỢP TÁC</b>							
1	Thông báo thành lập tổ hợp tác	Ngay tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ	UBND cấp xã		Không		- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13; - Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ về tổ hợp tác.
2	Thông báo thay đổi tổ hợp tác	Ngay tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ	UBND cấp xã		Không		- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13; - Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ về tổ hợp tác.
3	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	Ngay tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ	UBND cấp xã		Không		- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13; - Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ về tổ hợp tác.